

HỒI PHỤC KỸ THUẬT

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành vận tải Dầu khí cuối 2024 – 2025

Thị trường vận tải hàng lỏng, đặc biệt là dầu thô và sản phẩm dầu, đang tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu ổn định tại Trung Quốc và sự phục hồi của các nhà máy lọc dầu toàn cầu.

Việc gia tăng nhu cầu dầu toàn cầu và thương mại đường dài giữa khu vực Đại Tây Dương – châu Á có thể hỗ trợ giá cước định hạn của tàu chở dầu thô duy trì ổn định ở mức cao trong giai đoạn 2024-2025

Các dự án thượng nguồn được triển khai sắp tới hứa hẹn mang đến triển vọng tích cực cho các doanh nghiệp dầu khí.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 11,33 điểm trong phiên 19/12 kết phiên ở mức 1.254,67 điểm. Thanh khoản tăng mạnh 46,65% so với phiên giao dịch ngày 18/12. Khối ngoại quay lại bán ròng mạnh hơn 480 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng giằng co quanh vùng 1.250-1.265 điểm trong phiên giao dịch ngày 20/12. VN-Index có phiên giao dịch dưới tham chiếu với thanh khoản tăng mạnh và khối ngoại bán ròng mạnh đã tạo áp lực lên tâm lý thị trường. Tuy nhiên, việc lực cầu nỗ lực hấp thụ cuối phiên giúp thị trường hạn chế giảm sâu. Trong ngắn hạn, khi các yếu tố vĩ mô và doanh nghiệp ổn định, thị trường có thể tiếp tục điều chỉnh nhẹ trong biên độ 1.250-1.265 điểm. Tuy vậy, nhà đầu tư cũng nên duy trì sự thận trọng, theo dõi các tín hiệu kỹ thuật và dòng tiền vào ra để đánh giá chính xác hơn xu hướng của thị trường.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

PVT

Khuyến nghị: **Mua**TP: **32.300 VND** | UPSIDE: **+17%**

Chiến lược hành động

MUA: NĐT tiếp tục quan sát thị trường, tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu thu hút được dòng tiền và dư địa tăng đáng kể từ vùng hỗ trợ.

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index điều chỉnh dưới vùng 1.260 điểm.

Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
VN-Index		
Đóng cửa	1.254,67	-0,89
KLCP (triệu CP)	779,41	46,65
GTGD (tỷ VND)	17.811	39,68
Khớp lệnh	15.396	74,08
Thỏa thuận	2.416	23,12
HNX-Index		
Đóng cửa	227,54	0,05
KLCP (triệu CP)	62,06	34,05
GTGD (tỷ VND)	1.182,3	24,84
UPCoM		
Đóng cửa	92,73	-0,37
KLCP (triệu CP)	61,79	61,76
GTGD (tỷ VND)	1.091,2	33,12

Diễn biến TTCK Mỹ: Trong phiên giao dịch ngày thứ Năm, Dow là chỉ số Index chính duy nhất trong ba chỉ số đóng cửa ở mức tăng, đạt được mức tăng 15 điểm và chấm dứt chuỗi 10 ngày giảm điểm — chuỗi giảm dài nhất kể từ năm 1974. Đây là phiên đầu tiên chỉ số này có màu xanh kể từ ngày 5 tháng 12, khi chỉ số này giảm hơn 200 điểm.

Thế giới: Trung Quốc, quốc gia dẫn đầu thế giới về thị phần đóng tàu, dự kiến sẽ tiếp nhận một lượng lớn đơn đặt hàng mới trong bối cảnh ngành công nghiệp đóng tàu toàn cầu đang bước vào giai đoạn phục hồi. Theo các nhà kinh tế Min Joo Kang và Rico Luman từ công ty tài chính ING, nhu cầu mua tàu mới dự kiến sẽ tăng mạnh trong những năm tới. Nguyên nhân chính đến từ nhu cầu thay thế các tàu cũ và đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường mới. Điều này mang lại lợi thế lớn cho Trung Quốc, quốc gia có khả năng sản xuất vượt trội và thị phần đáng kể trong ngành công nghiệp này. Một yếu tố quan trọng thúc đẩy nhu cầu tàu mới là các quy định nghiêm ngặt hơn về môi trường. Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) đã áp dụng Chỉ số hiệu quả năng lượng (EEXI) và Chỉ số cường độ carbon (CII) từ tháng 1/2023, yêu cầu tất cả các tàu phải tính toán và xếp hạng hiệu quả năng lượng cũng như mức độ phát thải carbon. Điều này tạo áp lực lớn đối với các công ty vận chuyển, buộc họ phải nhanh chóng thay thế các tàu không đáp ứng được tiêu chuẩn mới.

Việt Nam: Tổng cục Hải quan cho biết, tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với thế giới ước đạt 782 tỷ USD vào cuối năm nay. Kim ngạch thương mại của Việt Nam đạt 745 tỷ đô la Mỹ, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước, từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 14 tháng 12. Con số trên bao gồm 384 tỷ đô la Mỹ giá trị xuất khẩu, tăng 14,5 phần trăm so với cùng kỳ năm ngoái. Trong giai đoạn đánh giá, cả nước đạt thặng dư thương mại 23,4 tỷ đô la Mỹ. Việt Nam đã nổi lên như một nhân tố quan trọng trong thương mại toàn cầu, hiện được xếp hạng trong số 20 nền kinh tế thương mại hàng đầu thế giới. Việt Nam đã duy trì thặng dư thương mại trong 8 năm liên tiếp, tăng từ 1,77 tỷ đô la Mỹ năm 2016 lên hơn 28 tỷ đô la Mỹ vào năm 2023. Tính đến tháng 10 năm 2024, Việt Nam đã ký 17 hiệp định thương mại tự do và đang đàm phán hai hiệp định khác.

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do tăng lên mức 25.463.

Dầu: Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings (Mỹ) vừa đưa ra dự báo giá dầu thế giới sẽ giảm từ mức trung bình 80 USD/thùng năm 2024 xuống 70 USD/thùng vào năm 2025 do nhu cầu giảm và sản lượng từ các nước không thuộc Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và những nước đối tác, hay còn gọi là OPEC+, gia tăng dẫn đến tình trạng dư cung.

MBB: Theo thông tin từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), ngày 13/12, Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit), công ty con do Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) nắm 50% vốn, vừa huy động thêm 900 tỷ đồng từ kênh trái phiếu. Hai lô trái phiếu này đều có lãi suất 6,7%/năm và kỳ hạn 2 năm. Đây là đợt phát hành trái phiếu thứ 4 và thứ 5 trong năm 2024 của Mcredit. Như vậy, tổng cộng nguồn vốn Mcredit huy động từ kênh trái phiếu trong năm 2024 lên tới 1.780 tỷ đồng. Hoạt động huy động vốn dồn dập của Mcredit diễn ra trong bối cảnh lợi nhuận xuống đáy và nợ phải trả tăng cao.

GVR: Ngày 19–12, Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (VRG) tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác xây dựng Đảng, hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác Công đoàn, Đoàn thanh niên của tập đoàn năm 2024 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2025. Báo cáo VRG cho thấy các chỉ tiêu tài chính hợp nhất năm 2024 đều ước đạt tăng so với cùng kỳ năm 2023 và tăng so với kế hoạch. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 26.307 tỉ đồng, tăng 6,5%; lợi nhuận trước thuế 4.450 tỉ đồng, tăng 8,2%; lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 3.746 tỉ đồng, tăng 11,1% đặc biệt nộp ngân sách ước đạt 6.100 tỉ đồng, tăng 50,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ giá bán mủ cao su tăng nên các công ty thành viên VRG đã đạt được doanh thu và lợi nhuận để ra.

Chứng khoán thế giới

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	5.867,08	-0,09	23,00
DJIA	42.342,24	0,04	12,34
Nasdaq	19.372,77	-0,10	29,05
Shanghai	3.370,03	-0,36	13,28
Hang Seng	19.752,51	-0,56	15,87

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.592,72	0,11	25,70
Dầu WTI	69,19	-1,18	-3,44
Dầu Brent	72,66	-0,27	-5,68
Than	128,60	-1,34	-12,16
Đồng	4,0185	-0,37	3,56
Quặng sắt	104,73	-0,81	-23,20
Thép	441,85	-0,33	-19,85

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	108,40	0,18	6,92
USD/JPY	157,50	1,75	11,65
USD/CNY	7,3125	-0,16	2,63
EUR/USD	1,0363	0,05	-6,10
GBP/USD	1,2505	-0,54	-1,76

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
SSI	791,86	26,20	0,00
HPG	817,42	26,85	-1,83
SHB	226,96	10,20	-1,45
VPB	396,18	18,80	-1,05
DIG	321,99	19,55	-1,76

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
HPG	817,42	26,85	-1,83
SSI	791,86	26,20	0,00
FPT	712,17	148,10	-0,40
MWG	423,68	59,80	-0,66
VPB	396,18	18,80	-1,05

PVT
(HOSE)

Khuyến nghị	Mua
Giá hiện tại (19/12/2024)	27.550
Giá mục tiêu	32.300
Tiềm năng tăng trưởng	17%–19%
Vùng mua	27.200–27.600
Ngưỡng cắt lỗ	<26.000

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 11T2024, PVT Doanh thu hợp nhất của PVTrans đạt 10.900 tỷ đồng, tăng trưởng 23% yoy. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đạt 1.700 tỷ đồng, tăng 18% yoy.

Doanh thu vận tải quý 3/2024 ở mức lịch sử khi tăng 18,3% so cùng kỳ năm ngoái lên 2.320 tỷ đồng, đây là mức cao nhất lịch sử nhờ đội tàu chở dầu mở rộng thêm 7 tàu kể từ đầu quý cùng với môi trường giá thuê tàu neo cao. Mảng vận tải chiếm 79% tổng doanh thu của PVT trong quý 3/2024.

Thị phần hoạt động rộng lớn: PVT chiếm thị phần lớn ở Đông Nam Á, tiếp theo là Châu Mỹ, Châu Phi và Trung Đông. Ngoài ra, mức tăng trưởng nhu cầu sử dụng vẫn cao hơn so với mức tăng trưởng nguồn cung trong khi tình trạng thiếu hụt tàu chở dầu vẫn đang diễn ra, đây là một lợi thế giúp doanh nghiệp vẫn tăng trưởng ổn định.

Tiếp tục trẻ hóa đội tàu: Trong hơn 3 năm qua, PVT đã tích cực "trẻ hóa" đội tàu bằng cách thanh lý các tàu cũ và đầu tư tàu mới với công nghệ tiên tiến, giúp tối ưu nhiên liệu và giảm chi phí. Đến cuối tháng 11/2024, PVT sở hữu 58 tàu hiện đại với tổng trọng tải hơn 1,6 triệu DWT, là công ty vận tải hàng lỏng lớn nhất Việt Nam. Dự kiến, đội tàu sẽ tiếp tục mở rộng, đạt 70 chiếc vào năm 2029 nhờ giá tàu ổn định và sự đóng góp từ tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất.

Dự báo giá cước vận tải duy trì mức cao: Trong 9 tháng đầu năm 2024, giá cước vận tải cho các tàu chở dầu Aframax và tàu tầm trung đã tăng lần lượt 8% và 9% so với cùng kỳ. Mức giá này dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong thời gian tới, nhờ vào tình trạng nguồn cung hạn chế và nhu cầu vận tải vẫn giữ vững sức nóng.

Kỳ vọng khi Dung Quất 2 hoạt động trở lại giúp PVT gia tăng khối lượng vận chuyển, ổn định doanh thu và mở rộng cơ hội hợp tác dài hạn, củng cố vị thế.

Thông tin doanh nghiệp

Phân ngành ICB L2	Dầu khí
Biến động giá 1Y	22.660–32.350
KLGDBQ 10D (CP)	1.560.390
Vốn hóa (tỷ đồng)	9.665,74
BVPS	21.105
P/E (lần)	8,67
P/B (lần)	1,28
EPS (VND)	3.130,06
SL CPLH (triệu CP)	356,01
Tỷ lệ free–float (%)	50,00
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	12,52
ROA (%)	6,23
ROE (%)	15,31

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

PTV đang tích cực giữ các mốc MA ngắn và dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI nằm trong vùng an toàn cho tín hiệu mua. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường để có điểm mua phù hợp.



Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Đi ngang
Xu hướng tuần	-	Đi ngang
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	54,17	Mua
MFI	61,87	Mua
MA10	27,26	Mua
MA20	27,16	Mua
MA50	27,53	Mua
MA100	27,77	Quan sát

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
Danh mục theo dõi										
1	MSB	Theo dõi	11,2-11,5			13.000	10.850			
2	GVR	Theo dõi	31-31,6			36.500	30.000			
1	DDV	Theo dõi	19,0-19,8			23.000	18.400			

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	DGC	Nắm giữ	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000			8,0%
2	MSN	Nắm giữ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400			-1,3%
3	PDR	Nắm giữ	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800			5,8%
4	VHC	Nắm giữ	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400			3,8%
5	CTG	Nắm giữ	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900			7,7%
6	VCG	Nắm giữ	16,8-17,2	25/11/2024	17.500	19.300	16.100			-0,6%
7	HPG	Nắm giữ	25,6-26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			3,3%
8	VNM	Nắm giữ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500			-0,8%
9	KBC	Nắm giữ	27,1-27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			0,4%
10	TNG	Nắm giữ	24,7-25,0	02/12/2024	24.900	28.500	23.700			4,4%
11	CTD	Nắm giữ	65,8-67,0	03/12/2024	66.500	76.000	63.100			-0,5%
12	PNJ	Nắm giữ	92,8-93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600			4,2%
13	NTP	Nắm giữ	60,3-62,6	05/12/2024	62.700	72.000	58.400			2,1%
14	PAN	Nắm giữ	22,2-22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400			4,7%
15	DRC	Nắm giữ	28,1-28,7	11/12/2024	28.600	32.500	27.000			1,4%
16	BFC	Nắm giữ	38-38,8	16/12/2024	38.000	45.500	36.500			0,0%
17	DBC	Theo dõi	26,6-27,0	17/12/2024	26.800	30.500	25.500			5,8%
18	REE	Theo dõi	65,0-66,3	17/12/2024	66.000	73.000	62.300			2,0%
19	HAX	Theo dõi	15,9-16,3	18/12/2024	16.350	18.200	15.400			5,2%
20	IDC	Theo dõi	55,6-56,5	18/12/2024	56.200	64.500	53.100			1,2%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	FPT	Chốt lời	118,0-124,0	06/8/24	120.000	149.000	113.000	18/10/24	137.700	14,2%
2	PAN	Chốt lời	23,4-23,6	04/10/2024	23.000	26.000	22.300	18/10/24	24.400	6,5%
3	CTD	Chốt lời	63,2-64,2	21/10/2024	63.400	70.000	60.600	24/10/24	67.800	6,9%
4	IDC	Chốt lời	55-55,7	23/10/2024	53.800	63.800	52.650	05/11/24	55.700	3,5%
5	HAH	Chốt lời	41,2-42	28/10/2024	42.000	46.800	39.500	08/11/24	46.500	10,7%
6	MWG	Chốt lời	63,1-63,7	16/10/2024	64.300	69.300	60.300	11/11/24	65.000	1,09%
7	VGI	Chốt lời	69,0-72,0	06/10/2024	72.000	82.700	67.000	11/11/24	89.500	24,3%
8	TCB	Cắt lỗ	24,2-24,6	17/10/2024	24.100	26.600	23.200	12/11/24	23.400	-2,9%
9	SZC	Chốt lời	37,6-38,3	23/10/2024	38.100	42.500	36.400	12/11/24	42.700	12,1%
10	HDG	Chốt lời	26,0-27,0	06/11/2024	27.550	31.000	25.200	12/11/24	28.600	3,8%
11	VCI	Chốt lời	35-35,5	31/10/2024	34.300	41.200	33.500	14/11/24	34.700	1,2%
12	DBC	Chốt lời	27,4-28	31/10/2024	27.700	32.000	26.300	14/11/24	28.000	1,1%
13	NKG	Cắt lỗ	20,8-21,2	08/11/2024	21.050	24.000	19.900	14/11/24	20.000	-1,2%
14	DRI	Chốt lời	11,8-12,0	21/11/2024	11.800	13.800	11.200	26/11/24	12.800	8,5%
15	DPM	Chốt lời	34,3-34,7	11/11/2024	33.400	37.400	32.800	27/11/24	36.600	9,6%
16	POW	Chốt lời	11,2-11,5	21/11/2024	11.300	13.000	11.000	04/12/24	12.650	11,9%
17	QNS	Chốt lời	48,6-49,0	18/11/2024	49.000	55.000	46.400	06/12/24	51.300	4,7%
18	CMG	Chốt lời	52,8-54	28/11/2024	53.800	63.800	50.700	09/12/24	58.500	8,7%
19	LPB	Chốt lời	31,2-31,7	25/10/2024	31.700	35.000	29.850	10/12/24	34.400	8,5%
20	VOS	Chốt lời	14,1-14,8	25/11/2024	14.800	17.000	13.800	10/12/24	16.300	10,1%
21	PLX	Cắt lỗ	39,2-40	03/12/2024	39.500	45.000	37.800	13/12/24	39.400	-0,3%

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Cong Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.